

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 03/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030 và 2031-2035 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 03/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030 và 2031-2035 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 608/QĐ-TTg), Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 608/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi, trách nhiệm của địa phương theo Quyết định số 608/QĐ-TTg, gắn với điều kiện thực tế của tỉnh Gia Lai.

- Cụ thể hóa các nội dung của Chương trình hành động về Cộng đồng Kinh tế ASEAN thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; tập trung vào công tác thông tin, tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến thương mại, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, chuyển đổi số và phát triển kinh tế xanh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng thích ứng với yêu cầu hội nhập; từng bước tham gia vào chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng trong khu vực ASEAN.

2. Yêu cầu

- Bám sát Quyết định số 608/QĐ-TTg; bảo đảm triển khai thống nhất, đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Triển khai nhiệm vụ đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, đơn vị; không trùng lặp, không chồng chéo.

- Phân công rõ cơ quan chủ trì, phối hợp, tiến độ và kết quả thực hiện; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả; không phát sinh thủ tục hành chính.

- Lồng ghép với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các chương trình, đề án có liên quan.

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra, đánh giá; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai hiệu quả Quyết định số 608/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh; nâng cao năng lực hội nhập kinh tế quốc tế; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng khu vực ASEAN; góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Triển khai kịp thời các nội dung của Quyết định số 608/QĐ-TTg có liên quan đến địa phương; tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong công tác hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tăng cường cung cấp thông tin về thị trường, chính sách thương mại, quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, rào cản kỹ thuật và các cam kết trong ASEAN cho doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Thúc đẩy xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, phát triển thương mại điện tử, hạ tầng thương mại và logistics phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của tỉnh; hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

- Khuyến khích chuyển đổi số, đổi mới công nghệ, sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên; phát triển mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn phù hợp điều kiện địa phương.

- Nâng cao năng lực cán bộ, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh về hội nhập kinh tế quốc tế; bảo đảm doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện tiếp cận thông tin, cơ hội hỗ trợ phù hợp.

- Thiết lập cơ chế theo dõi, tổng hợp, báo cáo, sơ kết, tổng kết; kịp thời đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp tình hình thực tế và yêu cầu hội nhập từng giai đoạn.

III. NHIỆM VỤ

1. Tuyên truyền, phổ biến và cung cấp thông tin hội nhập

- Tổ chức phổ biến Quyết định số 608/QĐ-TTg, các cam kết ASEAN và các hiệp định thương mại tự do cho các cơ quan, đơn vị và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, tập huấn; tăng cường cung cấp thông tin về quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, rào cản kỹ thuật và các xu hướng phát triển.

- Chủ động cung cấp thông tin, cảnh báo về thị trường, chính sách thương mại và yêu cầu nhập khẩu của các đối tác theo nguồn chính thức.

2. Rà soát, lồng ghép cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền địa phương

- Rà soát các cơ chế, chương trình, kế hoạch của tỉnh liên quan đến thương mại, đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, logistics, phát triển xanh để lồng ghép nội dung hội nhập kinh tế ASEAN.

- Kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các nội dung không còn phù hợp; bảo đảm minh bạch, thuận lợi, phù hợp cam kết quốc tế và điều kiện thực tế của tỉnh.

- Không ban hành quy định làm phát sinh rào cản thương mại, thủ tục hành chính hoặc yêu cầu kỹ thuật vượt thẩm quyền.

3. Phát triển thương mại, xuất nhập khẩu, hạ tầng thương mại và logistics

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu; hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu; ưu tiên sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng, OCOP và sản phẩm có tiềm năng tham gia chuỗi cung ứng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin về thị trường ASEAN, quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử và các kênh phân phối phù hợp.

- Lồng ghép phát triển hạ tầng thương mại, kho bãi, dịch vụ logistics và kết nối vận tải trong các quy hoạch, kế hoạch, dự án của tỉnh; khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa theo quy định.

4. Thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực doanh nghiệp

- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử, nền tảng số, truy xuất nguồn gốc, quản trị và marketing số nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

- Tổ chức đào tạo, tư vấn về quản trị doanh nghiệp, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, sở hữu trí tuệ, thương hiệu, đổi mới công nghệ và năng suất chất lượng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã nâng cao khả năng liên kết, tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng trong nước và khu vực.

- Phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận các dịch vụ tài chính, tín dụng, thanh toán số và các chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu hội nhập.

5. Phát triển sản xuất, kinh doanh bền vững, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn

- Tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và giảm phát thải.

- Khuyến khích áp dụng các mô hình sản xuất sạch hơn, kinh tế tuần hoàn, tiêu dùng bền vững; phát triển sản xuất, chế biến gắn với nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm địa phương.

- Ưu tiên thu hút dự án sử dụng công nghệ sạch, thân thiện môi trường, có giá trị gia tăng cao, phù hợp quy hoạch và định hướng phát triển của tỉnh.

6. Mở rộng hợp tác, đối ngoại kinh tế và tiếp cận cơ hội hội nhập

- Tăng cường kết nối hoạt động đối ngoại, xúc tiến thương mại và đầu tư với các đối tác trong khu vực ASEAN; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường, đối tác và các nguồn lực hợp pháp.

- Lồng ghép nội dung hội nhập kinh tế quốc tế với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt tại khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tạo điều kiện tiếp cận thông tin và cơ hội cho các đối tượng liên quan.

- Tăng cường phối hợp với hiệp hội doanh nghiệp, hội ngành hàng và các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác tuyên truyền, tư vấn, kết nối thị trường.

- Lồng ghép hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư với quảng bá du lịch, văn hóa, sản phẩm đặc trưng của tỉnh trong các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế.

7. Theo dõi, kiểm tra, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Theo dõi, tổng hợp, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ rà soát tiến độ, kết quả, khó khăn, vướng mắc.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết theo mốc thời gian của Quyết định số 608/QĐ-TTg; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung phù hợp thực tế.

- Thực hiện chế độ báo cáo hằng năm, báo cáo giữa kỳ, cuối kỳ và đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Bộ Công Thương và cơ quan có thẩm quyền.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2026-2030

- Năm 2026: Ban hành Kế hoạch; các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép nhiệm vụ để tổ chức triển khai thực hiện.

- Giai đoạn 2026-2030: Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp; tập trung công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến thương mại, chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh và mở rộng thị trường.

- Năm 2028: Tổ chức sơ kết, đánh giá giữa kỳ; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp (nếu cần thiết).

- Năm 2030: Tổng kết giai đoạn 2026-2030; báo cáo kết quả thực hiện và xây dựng nội dung triển khai giai đoạn 2031-2035.

2. Giai đoạn 2031-2035

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ trên cơ sở kết quả thực hiện giai đoạn 2026-2030; cập nhật yêu cầu hội nhập kinh tế ASEAN, định hướng chỉ đạo của Trung ương và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Năm 2032: Tổ chức sơ kết, đánh giá giữa kỳ; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp (nếu cần thiết).

- Năm 2035: Tổng kết toàn bộ Kế hoạch; đánh giá kết quả thực hiện, rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất định hướng giai đoạn tiếp theo.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan đã được phê duyệt.

- Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp khác, bao gồm nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ để triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp quy định hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện.

- Chủ trì công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin hội nhập kinh tế quốc tế, các cam kết ASEAN và các hiệp định thương mại tự do; tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Hằng năm, căn cứ Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phối hợp với các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch chiến lược Cộng đồng Kinh tế ASEAN tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tham mưu UBND tỉnh xem xét bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của ngân sách địa phương.

- Chủ trì, phối hợp tham mưu cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; thu hút các nguồn lực đầu tư hợp pháp; lồng ghép nội dung hội nhập kinh tế quốc tế trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn, quy chuẩn, sở hữu trí tuệ và xây dựng thương hiệu.

- Phối hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ thương mại điện tử, nền tảng số, ứng dụng công nghệ trong xúc tiến thương mại và quản lý nhà nước.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, kinh tế biển, an ninh lương thực và quản lý tài nguyên, môi trường theo đúng chức năng, nhiệm vụ của ngành.

- Chủ trì, phối hợp hỗ trợ phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, an toàn, truy xuất nguồn gốc và yêu cầu thị trường ASEAN.

- Chủ trì, phối hợp triển khai các nội dung về an ninh lương thực, nâng cao khả năng thích ứng của sản xuất nông nghiệp trước biến đổi khí hậu, thiên tai; tăng cường kết nối thị trường, mạng lưới phân phối nông sản, thực phẩm; thúc đẩy chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp - thực phẩm.

- Chủ trì, phối hợp triển khai các nội dung về kinh tế biển xanh, phát triển thủy sản bền vững, phòng chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), nếu phù hợp với điều kiện thực tế và thẩm quyền quản lý của tỉnh.

5. Sở Xây dựng

Phối hợp lồng ghép nội dung phát triển hạ tầng thương mại, logistics, kết nối giao thông vào quy hoạch, kế hoạch, dự án thuộc thẩm quyền của tỉnh; góp phần tạo thuận lợi cho lưu thông hàng hóa và hoạt động xuất nhập khẩu.

6. Sở Ngoại vụ

- Chủ trì tham mưu triển khai các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế; tăng cường kết nối với các địa phương, tổ chức, đối tác nước ngoài, đặc biệt trong khu vực ASEAN, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phối hợp cung cấp thông tin về đối tác, thị trường và cơ hội hợp tác; hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, kết nối doanh nghiệp với đối tác nước ngoài.

7. Chi cục Hải quan Khu vực XIV

- Phối hợp cung cấp thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện chính sách, thủ tục hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các quy định có liên quan.

- Phối hợp kịp thời phản ánh, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động xuất nhập khẩu để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 11

Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ thông tin về tín dụng, thanh toán, dịch vụ ngân hàng; tăng cường kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh; thúc đẩy tiếp cận tín dụng xanh, thanh toán số và dịch vụ ngân hàng phục vụ phát triển bền vững.

9. Các sở, ban, ngành liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động triển khai hoặc lồng ghép nội dung Kế hoạch vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm.

- Phối hợp với Sở Công Thương trong quá trình triển khai; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

10. UBND các xã, phường

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến thông tin hội nhập kinh tế quốc tế phù hợp với điều kiện địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh tham gia xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, tiêu thụ sản phẩm.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện và các khó khăn, vướng mắc về Sở Công Thương để tổng hợp.

(Nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch)

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các đơn vị liên quan định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch hằng năm (**trước ngày 20/11**) và đột xuất khi có yêu cầu, qua Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương theo đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 608/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh, đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các đơn vị liên quan triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và PT-TH tỉnh;
- CVP, PVPXD;
- Trung tâm HCC tỉnh;
- Lưu: VT, X8.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Quế

PHỤ LỤC

NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian | Sản phẩm/Kết quả |
|-----|---|--------------------------|---|-------------------------|---|
| 1 | Tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 608/QĐ-TTg, các cam kết ASEAN, FTA, quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, rào cản kỹ thuật | Sở Công Thương | Các sở, ngành; UBND các xã, phường; hiệp hội, doanh nghiệp | Hàng năm | Hội nghị, tập huấn; tài liệu tuyên truyền; tin, bài đăng tải |
| 2 | Cung cấp thông tin thị trường, chính sách thương mại, cảnh báo rào cản kỹ thuật, cơ hội xúc tiến và kết nối cung cầu | Sở Công Thương | Sở Ngoại vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục Hải quan Khu vực XIV | Hàng năm | Bản tin thị trường; tài liệu cảnh báo rào cản kỹ thuật; thông tin xúc tiến thương mại |
| 3 | Tổ chức xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu; hỗ trợ tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm chủ lực, đặc trưng, OCOP | Sở Công Thương | Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Ngoại vụ; UBND các xã, phường; doanh nghiệp | Hàng năm | Chương trình xúc tiến; hội nghị kết nối cung cầu |
| 4 | Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử, nền tảng số, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Công Thương; UBND các xã, phường; doanh nghiệp | 2026-2030; 2031-2035 | Mô hình, giải pháp số; danh sách doanh nghiệp được hỗ trợ |
| 5 | Hỗ trợ đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn, sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; doanh nghiệp | Hàng năm | Chương trình hỗ trợ; sản phẩm, nhãn hiệu được hỗ trợ |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian | Sản phẩm/Kết quả |
|-----|---|------------------------------|---|-------------------------|---|
| 6 | Triển khai phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, kinh tế biển bền vững; bảo đảm an ninh lương thực, thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống khai thác IUU; hỗ trợ sản phẩm nông nghiệp chủ lực, OCOP, sản phẩm đặc trưng đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc và yêu cầu thị trường ASEAN | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Công Thương; UBND các xã, phường; doanh nghiệp, hợp tác xã và các đơn vị liên quan | 2026–2030; 2031–2035 | Kế hoạch/văn bản triển khai; hoạt động hỗ trợ, kết nối tiêu thụ nông sản; báo cáo kết quả thực hiện |
| 7 | Lồng ghép phát triển hạ tầng thương mại, kho bãi, logistics, kết nối vận tải trong quy hoạch, kế hoạch, dự án | Sở Công Thương | Sở Xây dựng; Sở Tài chính; UBND các xã, phường | 2026–2030; 2031–2035 | Danh mục, nội dung lồng ghép; báo cáo tiến độ dự án liên quan |
| 8 | Tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách địa phương; hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định | Sở Tài chính | Sở Công Thương; các sở, ngành, địa phương và đơn vị được giao nhiệm vụ | Hàng năm | Văn bản tham mưu bố trí kinh phí; văn bản hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo quy định |
| 9 | Kết nối đối ngoại kinh tế, hợp tác với đối tác ASEAN; hỗ trợ xúc tiến thương mại, đầu tư | Sở Ngoại vụ | Sở Công Thương; Sở Tài chính; các sở, ngành | Hàng năm | Chương trình đối ngoại kinh tế; hoạt động kết nối đối tác |
| 10 | Phối hợp hướng dẫn doanh nghiệp về thủ tục hải quan, thuế xuất nhập khẩu; phản ánh vướng mắc | Chi cục Hải quan Khu vực XIV | Sở Công Thương; các sở, ngành; doanh nghiệp | Hàng năm | Tài liệu hướng dẫn; hội nghị, tập huấn; tổng hợp vướng mắc doanh nghiệp |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian | Sản phẩm/Kết quả |
|-----|---|---|--|-----------|---|
| 11 | Lồng ghép nội dung hội nhập kinh tế quốc tế vào kế hoạch phát triển địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia xúc tiến thương mại | UBND các xã, phường | Sở Công Thương; các sở, ngành | Hàng năm | Kế hoạch/nội dung lồng ghép của địa phương; hoạt động hỗ trợ |
| 12 | Lồng ghép hội nhập kinh tế quốc tế trong hoạt động phát triển, xúc tiến quảng bá du lịch, dịch vụ và sản phẩm đặc trưng của tỉnh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Công Thương; Sở Ngoại vụ; UBND các xã, phường | Hàng năm | Hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch; tài liệu giới thiệu; kết quả kết nối thị trường |
| 13 | Phối hợp tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế, Cộng đồng Kinh tế ASEAN; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hội nhập | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Công Thương; các sở, ngành liên quan | Hàng năm | Nội dung lồng ghép, tuyên truyền; hoạt động nâng cao nhận thức |
| 14 | Đẩy mạnh tài chính toàn diện; tích cực triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi về tín dụng xanh hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững | Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 11 | Sở Công Thương; Sở Tài chính; các tổ chức tín dụng | Hàng năm | Văn bản triển khai; kết quả thực hiện một số chỉ tiêu liên quan đến tài chính toàn diện (số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa có dư nợ tại các TCTD trên địa bàn, dư nợ tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn/Tổng dư nợ tín dụng toàn địa bàn) và tín dụng xanh (kết quả triển khai các chương trình tín dụng liên quan) |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian | Sản phẩm/Kết quả |
|------------|---|------------------------|------------------------------------|--|-----------------------------------|
| 15 | Theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết; báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương | Sở Công Thương | Các sở, ngành; UBND các xã, phường | Hàng năm; các năm: 2028, 2030, 2032, 2035 | Báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết |